TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2018
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Ông Nguyễn Việt Thành

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mộng Thùy - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên

Trong ngày 13/4/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Hương L, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 4, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh B.

- Bị đơn: Huỳnh Long K, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hương L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông K tự nguyện chung sống từ năm 1992 đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà sống hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên ngoại tình, ăn chơi bỏ mặc bà L nuôi con. Bà L đã nhiều lần khuyên ông K nhưng ông K vẫn không thay đổi. Năm 2015 ông K đã ly thân với bà để sống cùng người phụ nữ khác tại tổ 1, ấp 6, xã M, C, tỉnh B cho đến nay. Bà L nhận thấy mình bị tổn thương nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng bà có hai con chung là Huỳnh Minh N, sinh năm: 1992 và Huỳnh Khánh D, sinh năm: 2000. Cháu Huỳnh Minh N đã trưởng thành còn cháu D bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng. Ngày 29/12/2017, bà L đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về con chung không yêu cầu tòa án giải quyết về phần này.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Long K đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, ông K vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của ông K.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác. Bị đơn ông K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán:

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho bà L được ly hôn với ông K.

Về con chung: Ngày 29/12/2017 bà L đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về con chung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu trên.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về Thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông K có địa chỉ cư trú tổ 1, ấp 6, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hương L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà L và ông K tự nguyện chung sống và ký kết hôn năm 2011 tại UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình xác định hôn nhân giữa bà L và ông K là hợp pháp.

Bà L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên ngoại tình, ăn chơi bỏ mặc bà nuôi con. Bà L đã nhiều lần khuyên ông K nhưng ông K vẫn không thay đổi. Năm 2015 ông K đã ly thân với bà cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng ông K vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương cũng xác định ông K và bà L không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông K trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Ngày 29/12/2017 nguyên đơn bà L đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về con chung. Xét thấy, Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Hương L và ông Huỳnh Long K.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hương L về việc tranh chấp nuôi con.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hương L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Thủy đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009042 ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng